

Số: 1118 /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 15 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo 3 - 5 tuổi; chính sách giáo viên mầm non năm 2019 (đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 Quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non.

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 phê duyệt đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 – 2015; số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011 – 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ ngân sách địa phương năm 2019;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1207 /TTr-STC ngày 09/5/2019

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trích ngân sách tỉnh: **3.096.300.000 đồng** (Ba tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm ngàn đồng) cấp cho các địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi; chính sách giáo viên mầm non năm 2019 (đợt 1).

(Chi tiết theo Biểu đính kèm)

Điều 2. Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Trị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chính

CHI TIẾT CẤP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĂN TRƯA TRẺ EM 3-5 TUỔI NĂM 2018, 2019

(Kèm theo Quyết định số: **1118** /QĐ-UBND ngày **15** tháng **5** năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Đơn vị, địa phương	Kết quả thực hiện chính sách của các địa phương năm 2018					Cấp kinh phí thực hiện chính sách năm 2019					Ghi chú
		Chính sách còn thiếu năm 2017	Kết quả thực hiện năm 2018	Thực hiện KNKT năm 2017	Ngân sách đã cấp năm 2018	Kinh phí còn thừa thiếu năm 2018	Nhu cầu năm 2019	Đã bố trí Dự toán chi NSDP năm 2019	Số còn thiếu đề nghị bổ sung	Kinh phí năm 2018 chuyển sang	Cấp đợt 1 năm 2019	
a	b	1	2	3	4	5=3+4+1-2	6	7	8=6-7	9	10	11
1	Huyện, thành phố, thị xã		14.019.022	2.718.222	14.296.000	2.910.444	17.089.017	13.495.000	4.332.281	2.910.444	3.096.300	
1	Thành phố Đông Hà		234.142	151.440	243.000	160.298	423.116	243.000	180.116	160.298	0	
2	Thị xã Quảng Trị		73.384	18.520	43.000	-11.864	76.963	43.000	33.963	-11.864	40.000	Đã bao gồm số còn thiếu năm 2018: 11,864trđ
3	Huyện Vĩnh Linh		990.199	1.451.864	2.050.000	2.511.665	1.311.736	2.050.000		2.511.665	0	Huyện Vĩnh Linh sử dụng kinh phí thực hiện chính sách trẻ ăn trưa còn thừa tại địa phương năm 2018 và Dự toán năm 2019 để chi trả chính sách Nghị định 86/2015/NĐ-CP năm 2019
4	Huyện Gio Linh		1.457.414	42.920	1.378.000	-36.494	1.632.694	1.250.000	382.694	-36.494	350.000	Đã bao gồm số còn thiếu năm 2018: 36,494 trđ
5	Huyện Triệu Phong		1.141.002	-	1.180.000	38.998	1.241.270	1.180.000	61.270	38.998	10.000	
6	Huyện Hải Lăng		782.751	108.390	578.000	-96.361	942.554	460.000	482.554	-96.361	480.000	Đã bao gồm số còn thiếu năm 2018: 96,361 trđ
7	Huyện Cam Lộ		309.728	39.600	150.000	-120.128	359.917	150.000	209.917	-120.128	290.000	Đã bao gồm số còn thiếu năm 2018: 120,128 trđ
8	Huyện Đakrông	(84.756)	3.644.688	-	3.305.000	-424.444	4.093.081	2.750.000	1.343.081	-424.444	1.500.000	Đã bao gồm số còn thiếu năm 2018: 424,444 trđ
9	Huyện Hướng Hóa		5.369.370	905.488	5.360.000	896.118	6.989.717	5.360.000	1.629.717	896.118	410.000	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ		16.344	-	9.000	-7.344	17.969	9.000	8.969	-7.344	16.300	Đã bao gồm số còn thiếu năm 2018: 7,344 trđ